

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014	15 - 48



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng công ty Sông Đà đã được kiểm toán.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các Ban quản lý, điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty Sông Đà. Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Sông Đà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-BXD thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà trước đây. Tổng công ty Sông Đà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu giúp việc; các Văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc khác và đơn vị sự nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà (thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng công ty Sông Đà (dưới đây gọi là "Tổng công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 5 năm 2014.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : (04) 3 854 1164

Số Fax : (04) 3 854 1161

Email : banbientap@songda.vn

Website : <http://www.songda.vn>

Mã số thuế : 0100105870

Vốn điều lệ : 4.276.000.000.000 VND (Bốn nghìn, hai trăm bảy mươi sáu tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 ngày 07 tháng 5 năm 2014):

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi tổ hợp các công trình ngầm; Thi công và xử lý nền móng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Phá dỡ. Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tổng công ty

Theo Quyết định số 542/QĐ-BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ngày 16 tháng 5 năm 2014, Bộ Xây dựng tiếp nhận nguyên trạng Trường Cao đẳng nghề Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà về trực thuộc Bộ Xây dựng và tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp có thu từ ngày 16 tháng 5 năm 2014.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty Sông Đà được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 48).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Khánh Toàn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 10 năm 2012	
Ông Phạm Công Bồng	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012	Ngày 05 tháng 9 năm 2014
Ông Nguyễn Doãn Hành	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012	
Ông Lê Văn Châu	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012	Ngày 12 tháng 3 năm 2014
Ông Lê Văn Tôn	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012	
Ông Hồ Văn Dũng	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2014	
Ông Nguyễn Kim Tới	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2014	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Châu	Tổng giám đốc	Ngày 26 tháng 10 năm 2012	Ngày 12 tháng 3 năm 2014
Ông Hồ Văn Dũng	Tổng giám đốc	Được ủy quyền thay mặt Tổng giám đốc từ ngày 12 tháng 3 năm 2014, bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014	
Ông Vũ Tuấn Hùng	Phó Tổng giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013	
Ông Nguyễn Sỹ Cát	Phó Tổng giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013	Ngày 13 tháng 8 năm 2014
Ông Kim Mạnh Hà	Phó Tổng giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013	
Ông Nguyễn Kim Tới	Phó Tổng giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013	
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2013	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Phó Tổng giám đốc	Ngày 11 tháng 11 năm 2014	
Ông Nguyễn Văn Tiên	Phó Tổng giám đốc	Ngày 17 tháng 12 năm 2014	

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Phúc được bổ nhiệm là Kế toán trưởng Tổng công ty ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng công ty Sông Đà. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Dũng



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 264/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Nguyễn Thế Bình - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2270-2013-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.101.179.555.834	6.279.081.466.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	763.003.239.779	940.040.297.785
1. Tiền	111		761.803.239.779	938.540.297.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.200.000.000	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.132.988.031.716	1.236.475.331.920
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.133.088.031.716	1.236.575.331.920
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.127.194.318.948	4.010.261.553.788
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	1.963.893.511.224	2.131.004.690.501
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	946.651.664.090	852.567.622.907
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.218.571.497.552	1.028.792.580.427
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.922.353.918)	(2.103.340.047)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9.601.977.405	21.822.591.380
1. Hàng tồn kho	141		9.601.977.405	22.525.257.418
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(702.666.038)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.391.987.986	70.481.691.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		52.288.683.367	54.597.322.224
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.319.835.854	12.179.013.119
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.017.365	11.190.264
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.772.451.400	3.694.166.111

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.097.202.159.991	11.266.797.209.863
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.333.297.601.031	4.487.501.309.245
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	664.459.911.913	403.507.023.593
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	3.668.837.689.118	4.083.994.285.652
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.087.993.795.533	1.110.691.753.806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.038.495.558.447	1.068.259.786.683
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.150.994.267.506</i>	<i>1.178.312.768.679</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(112.498.709.059)</i>	<i>(110.052.981.996)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	712.666.331	755.952.507
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>1.524.684.123</i>	<i>1.638.272.003</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(812.017.792)</i>	<i>(882.319.496)</i>
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	48.785.570.755	41.676.014.616
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.616.521.591.726	5.580.660.570.832
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	4.490.842.951.668	4.224.255.691.843
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	910.959.162.136	955.227.662.136
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	335.482.500.000	416.794.950.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(120.763.022.078)	(15.617.733.147)
V. Tài sản dài hạn khác	260		59.389.171.701	87.943.575.980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	58.155.913.659	86.722.677.758
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	1.233.258.042	1.220.898.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		17.198.381.715.825	17.545.878.676.454

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.013.202.428.815	14.350.090.240.940
I. Nợ ngắn hạn	310		5.837.307.918.470	5.947.940.273.337
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	1.660.688.867.444	1.601.386.312.509
2. Phải trả người bán	312		2.238.647.925.394	2.362.398.815.816
3. Người mua trả tiền trước	313		1.179.024.958.541	1.120.761.450.236
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	5.940.186.474	13.947.215.484
5. Phải trả người lao động	315		15.438.198.171	24.795.794.151
6. Chi phí phải trả	316	V.22	599.493.636.779	508.233.671.061
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	117.027.345.062	291.390.960.058
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	21.046.800.605	25.026.054.022
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.175.894.510.345	8.402.149.967.603
1. Phải trả dài hạn người bán	331		917.561.263.734	688.392.350.838
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	3.786.549.566.437	4.225.514.258.694
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	3.326.662.589.446	3.339.818.325.807
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		145.121.090.728	148.425.032.264
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.185.179.287.010	3.195.788.435.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	3.185.179.287.010	3.181.914.841.912
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.563.494.435.152	2.566.661.289.860
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		478.581.643.855	361.296.991.505
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	77.587.600.402
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		61.190.737.066	94.456.489.208
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		5.750.601.944	5.750.601.944
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		76.161.868.993	76.161.868.993
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	13.873.593.602
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	13.873.593.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.198.381.715.825	17.545.878.676.454

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		54.819,78		5.567.342,84	
Euro (EUR)		278,96		25.346,52	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Lập, ngày 31 tháng 3. năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Trinh

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.085.110.317.635	6.671.827.418.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		48.794.995.326	15.488.036.934
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.036.315.322.309	6.656.339.381.437
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.766.088.982.184	6.374.622.951.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		270.226.340.125	281.716.430.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	482.907.723.199	495.925.552.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	509.047.763.344	567.779.987.817
Trong đó: chi phí lãi vay	23		393.387.062.537	517.606.489.356
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	143.019.021.619	160.919.938.711
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.067.278.361	48.942.055.961
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12.174.117.737	35.348.197.278
12. Chi phí khác	32	VI.7	13.181.581.575	6.887.603.454
13. Lợi nhuận khác	40		(1.007.463.838)	28.460.593.824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100.059.814.523	77.402.649.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	828.964.403
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>100.059.814.523</u>	<u>76.573.685.382</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Trinh

Kế toán trưởng



Lập, ngày 31 tháng 3, năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC**Hồ Văn Dũng**

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	100.059.814.523	77.402.649.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.782.624.685	29.081.343.746
- Các khoản dự phòng	03	105.145.288.931	15.407.733.147
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(29.963.289.045)	23.661.794.331
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(429.904.830.593)	(480.308.846.113)
- Chi phí lãi vay	06	393.387.062.537	517.606.489.356
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	165.506.671.038	182.851.164.252
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(364.121.300.014)	(160.413.780.722)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.220.613.975	(10.279.489.160)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(20.581.990.499)	612.029.397.506
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.875.402.956	(47.914.042.995)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(369.612.207.809)	(388.164.709.928)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(828.964.403)	(2.181.011)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.534.996.344	61.644.863
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(26.417.621.500)	(25.210.802.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(571.424.399.912)	162.957.199.958
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.954.563.737)	(1.397.139.725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	282.545.455	759.249.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(203.878.134.931)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(327.760.059.825)	(119.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	146.177.950.000	42.776.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	454.258.413.006	202.720.995.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	265.004.284.899	(78.019.029.929)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.167.883.877.396	2.690.271.955.357
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.038.405.650.965)	(2.309.201.051.546)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>129.478.226.431</i>	<i>381.070.903.811</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(176.941.888.582)	466.009.073.840
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	940.040.297.785	474.267.500.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(95.169.424)	(236.276.182)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	763.003.239.779	940.040.297.785

Lập, ngày 31 tháng 3. năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Dũng

Nguyễn Thị Tuyết Trinh

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu
2. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng; sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
 - Ngành nghề kinh doanh có liên quan: vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; dịch vụ du lịch, khách sạn; dịch vụ nông nghiệp.
3. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty có 415 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 496 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty Sông Đà được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính năm 2014 của Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc có loại trừ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong nội bộ Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm liên quan đến doanh thu, chi phí nội bộ giữa Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc, giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Số dư công nợ nội bộ và các khoản công nợ khác tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 giữa Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc, giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán

Các đơn vị được tổng hợp vào Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Sông Đà bao gồm:

1	Cơ quan Tổng Công ty tại Hà Nội	Đã được kiểm toán
2	Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Đã được kiểm toán
3	Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Đã được kiểm toán
4	Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Đã được kiểm toán
5	Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đã được kiểm toán
6	Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na	Đã được kiểm toán
7	Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Đã được kiểm toán
8	Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Đã được kiểm toán
9	Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	Chưa được kiểm toán
10	Ban điều hành gói thầu số 4	Chưa được kiểm toán
11	Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Đã được kiểm toán

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành, nghiệm thu ba bên và bàn giao cho chủ đầu tư, chủ đầu tư chưa lập Phiếu giá thanh toán nhưng bên thi công đã xuất hóa đơn cho Ban điều hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Khoản cho các công ty con, công ty liên kết vay từ nguồn Vay dài hạn các ngân hàng được trình bày trên Bảng cân đối kế toán như khoản phải thu dài hạn khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 47
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 10

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và mua sắm các tài sản cố định chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí phát hành trái phiếu

Các khoản chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo kỳ hạn của trái phiếu phát hành.

Chi phí ban điều hành

Chi phí Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong từng năm không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn đầu tư do Ngân sách Nhà nước cấp, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư và các khoản bổ sung từ kết quả kinh doanh hàng năm theo qui định. Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành đối với Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại ngày 31/12/2013: 21.075,86 VND/USD và 28.994 VND/EUR
ngày 31/12/2014: 21.372,5 VND/USD và 25.790,5 VND/EUR

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đối với các Ban điều hành các Dự án Thủy điện, doanh thu xây dựng là toàn bộ khối lượng công việc do các bên thi công thực hiện đã được chủ đầu tư xác nhận. Đối với các công trình chưa được duyệt dự toán chi tiết, doanh thu được ghi nhận theo giá trị chủ đầu tư tạm đồng ý thanh toán (khoảng 70% - 95% giá trị khối lượng thực hiện đã được chủ đầu tư xác nhận hoàn thành), khi dự toán chi tiết được phê duyệt sẽ ghi nhận nốt doanh thu. Giá vốn là toàn bộ khối lượng do các bên thi công thực hiện đã được chủ đầu tư xác nhận trừ đi phần phụ phí Ban điều hành được hưởng và phù hợp với doanh thu đã ghi nhận. Trường hợp phần phụ phí Ban điều hành được hưởng lớn hơn chi phí Ban điều hành đã chi trong năm thì phần chênh lệch lớn hơn được phản ánh như một khoản doanh thu nhận trước.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức trả cho thời gian Tổng công ty chưa nắm giữ cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tổng công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo qui định của chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.654.614.538	4.596.915.286
Tiền gửi ngân hàng	759.148.625.241	933.943.382.499
Các khoản tương đương tiền	1.200.000.000	1.500.000.000
Cộng	763.003.239.779	940.040.297.785

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức	1.133.088.031.716	1.236.575.331.920
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(100.000.000)	(100.000.000)
Giá trị thuần của Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.132.988.031.716	1.236.475.331.920

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các Công ty con	812.035.592.801	916.002.058.408
Các Công ty liên doanh, liên kết	1.194.975.097	1.608.542.868
Các đơn vị khác	1.150.662.943.326	1.213.394.089.225
Cộng	1.963.893.511.224	2.131.004.690.501

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các Công ty con	538.936.557.369	533.119.013.694
Các công ty liên doanh, liên kết	130.034.802.653	34.104.686.840
Các đơn vị khác	277.680.304.068	285.343.922.373
Cộng	946.651.664.090	852.567.622.907

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các Công ty con	1.019.629.924.835	817.808.356.786
Các công ty liên kết	52.255.681.787	58.152.331.240
Các đơn vị khác	68.803.161.725	37.585.505.191
Cổ tức phải thu	40.573.072.000	89.398.270.000
Các khoản phải thu khác	37.309.657.205	25.848.117.210
Cộng	1.218.571.497.552	1.028.792.580.427

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng cho khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	115.007.664	1.136.887.474
Công cụ, dụng cụ		30.798.454

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.486.969.741	14.950.817.081
Hàng hóa		6.406.754.409
Cộng	9.601.977.405	22.525.257.418
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(702.666.038)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	9.601.977.405	21.822.591.380
8. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.770.206.400	3.694.166.111
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.245.000	
Cộng	2.772.451.400	3.694.166.111
9. Phải thu dài hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	146.406.491.692	82.759.054.063
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	72.667.696.542	69.249.647.037
Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	352.230.163.094	251.498.322.493
Công ty TNHH Điện Xekman 1	93.155.560.585	
Cộng	664.459.911.913	403.507.023.593
10. Phải thu dài hạn khác		
Là các khoản cho các đơn vị khác vay bằng nguồn Vay dài hạn các Ngân hàng, bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	3.497.857.689.118	3.759.447.951.612
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	106.862.500.000	105.379.300.000
Công ty TNHH một thành viên Hạ Tầng Sông Đà		11.800.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	64.117.500.000	63.227.580.000
Tổng công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên		144.139.454.040
Cộng	3.668.837.689.118	4.083.994.285.652

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.114.915.614.270	8.319.056.663	44.086.427.876	5.661.185.624	5.330.484.246	1.178.312.768.679
Mua sắm mới			393.864.417	178.253.636		572.118.053
Tăng do thanh lý khoản đầu tư			10.176.907.230			10.176.907.230
Công ty liên kết	(109.411.412)		(1.306.270.040)	(296.450.361)	(184.710.000)	(1.896.841.813)
Thanh lý, nhượng bán			(10.723.027.060)	(806.197.426)	(91.334.651)	(30.292.994.419)
Giảm do Trường Cao đẳng nghề Sông Đà chuyển về Bộ Xây dựng	(12.117.709.007)	(6.554.726.275)				
Tăng giảm khác		183.739.653	(35.000.000)	(2.690.689.110)	(3.335.740.767)	(5.877.690.224)
Số cuối năm	1.102.688.493.851	1.948.070.041	42.592.902.423	2.046.102.363	1.718.698.828	1.150.994.267.506
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.698.310.528	1.599.653.133	15.126.079.267	273.728.909	1.021.058.828	19.718.830.665
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	63.098.567.482	6.633.229.691	30.976.869.406	4.709.583.984	4.634.731.433	110.052.981.996
Khấu hao trong năm	23.757.718.596	85.221.998	2.207.354.994	366.086.050	223.278.279	26.639.659.917
Thanh lý, nhượng bán	(109.411.412)		(1.306.270.040)	(296.450.361)	(184.710.000)	(1.896.841.813)
Giảm do Trường Cao đẳng nghề Sông Đà chuyển về Bộ Xây dựng	(3.749.815.862)	(5.168.388.811)	(6.875.240.067)	(652.110.824)	(73.523.845)	(16.519.079.409)
Tăng giảm khác		183.739.653	(35.000.000)	(2.690.689.110)	(3.236.062.175)	(5.778.011.632)
Số cuối năm	82.997.058.804	1.733.802.531	24.967.714.293	1.436.419.739	1.363.713.692	112.498.709.059
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.051.817.046.788	1.685.826.972	13.109.558.470	951.601.640	695.752.813	1.068.259.786.683
Số cuối năm	1.019.691.435.047	214.267.510	17.625.188.130	609.682.624	354.985.136	1.038.495.558.447

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 1.074.922.650.000 VND và 1.006.310.565.970 đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMQP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Trang Website</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm		352.660.000	1.285.612.003	1.638.272.003
Thanh lý, nhượng bán		(352.660.000)	(98.406.080)	(451.066.080)
Điều chuyển từ trường Cao đẳng nghề Sông Đà	337.478.200			337.478.200
Số cuối năm	337.478.200		1.187.205.923	1.524.684.123
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		352.660.000	529.659.496	882.319.496
Khấu hao trong năm	8.436.951		134.527.817	142.964.768
Thanh lý, nhượng bán		(352.660.000)	(98.406.080)	(451.066.080)
Điều chuyển từ trường Cao đẳng nghề Sông Đà	237.799.608			237.799.608
Số cuối năm	246.236.559		565.781.233	812.017.792
Giá trị còn lại				
Số đầu năm			755.952.507	755.952.507
Số cuối năm	91.241.641		621.424.690	712.666.331

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Dự án Thủy điện Sekong 3</u>	<u>Công trình khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	41.303.446.479	372.568.137	41.676.014.616
Chi phí phát sinh trong năm	7.482.124.276		7.482.124.276
Giảm do bàn giao Trường Cao đẳng nghề Sông Đà		(372.568.137)	(372.568.137)
Số cuối năm	48.785.570.755		48.785.570.755

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Vốn đầu tư	Số lượng	Vốn đầu tư
<i>Các Công ty con do Tổng công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết</i>				
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	57.869.230	578.692.300.000	57.869.230	578.692.300.000
Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà (**)	6.683.040	46.410.000.000	6.683.040	46.410.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (**)	2.400.000	23.484.931.507	2.400.000	23.484.931.507
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	14.280.000	142.800.000.000	14.280.000	142.800.000.000
Công ty Cổ phần Thép Việt - ý	26.106.297	271.360.736.917	26.106.297	271.360.736.917
Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loì (0)			2.550.000	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (*)	55.725.045	557.250.449.375	55.725.045	557.250.449.375

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Vốn đầu tư	Số lượng	Vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn ⁽ⁱ⁾	23.440.704	195.182.948.404	20.890.704	169.682.948.404
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 ⁽ⁱⁱ⁾	16.681.680	201.908.800.000	9.528.800	95.288.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.331.100	9.289.363.562	1.331.100	9.289.363.562
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	26.607.407	268.343.698.000	14.040.000	92.400.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 ⁽ⁱⁱ⁾	17.881.200	195.227.660.440	17.077.200	182.742.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ⁽ⁱⁱ⁾	22.601.540	193.378.247.507	18.653.640	153.899.247.507
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	8.160.000	82.937.094.187	8.160.000	82.937.094.187
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 ⁽ⁱⁱ⁾	6.695.000	65.703.263.029	6.400.000	62.943.561.644
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	1.275.000	12.750.000.000	1.275.000	12.750.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn ^(*)	17.399.400	173.994.000.000	17.399.400	173.994.000.000
Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà ⁽ⁱⁱⁱ⁾			1.524.160	15.241.600.000
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà		161.307.047.149		161.307.047.149
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	2.200.000	22.000.000.000	2.200.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa		69.405.575.947		69.405.575.947
<i>Các Công ty Con do Tổng công ty nắm giữ dưới 50% quyền biểu quyết nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại cuộc họp Hội đồng quản trị</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.450.000	24.500.000.000	2.450.000	24.500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	5.880.000	57.272.797.994	5.880.000	57.272.797.994
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	109.765.805	1.097.658.050.909	109.765.805	1.097.658.050.909
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	3.570.000	39.985.986.741	3.570.000	39.985.986.741
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 ^(iv)			2.724.800	27.248.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 ^(iv)			3.103.000	28.212.000.000
Cộng		4.490.842.951.668		4.224.255.691.843

(*) Trong đó đầu tư từ vốn nhận ủy thác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	20.150.000.000	20.150.000.000
Cộng	58.868.000.000	58.868.000.000

(**) Các Công ty đã có Công văn của Bộ xây dựng chấp thuận chủ trương thoái vốn.

Chi tiết tăng, giảm các khoản đầu tư trong kỳ như sau:

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loì: sáp nhập vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu.
- (ii) Công ty Cổ phần Sông Đà 5: tăng thêm do cổ phiếu thường năm 2013 là 9.528.800.000 VND, mua thêm cổ phiếu với giá trị là 97.092.000.000 VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Sông Đà 10: tăng do mua thêm cổ phiếu với giá trị là 175.943.698.000 VND.
- (iv) Công ty Cổ phần Sông Đà 9: tăng do mua thêm cổ phiếu với giá trị 12.485.660.440 VND.
- (v) Công ty Cổ phần Sông Đà 6: tăng do góp thêm vốn trong năm.
- (vi) Công ty Cổ phần Sông Đà 4: tăng do mua thêm cổ phiếu với giá trị là 2.907.104.125 VND. Tuy nhiên số cổ phần mua thêm này đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được đăng ký bổ sung.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà: giảm do chuyển nhượng trong năm.
 (iv) Giảm do phân loại sang Đầu tư vào Công ty liên kết do giảm tỷ lệ quyền biểu quyết.

Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại các công ty con như sau:

Các đơn vị đã niêm yết cổ phiếu

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Vốn đã đầu tư
Công ty Cổ phần SIMCO Sông Đà	51,00%	131.034.260.000	66.830.400.000	46.410.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	53,33%	45.000.000.000	24.000.000.000	23.484.931.507
Công ty Cổ phần thép Việt - Ý	53,04%	492.202.620.000	261.062.970.000	271.360.736.917
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	50,96%	459.991.500.000	234.407.040.000	195.182.948.404
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	64,16%	259.998.480.000	166.816.800.000	201.908.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	51,01%	26.097.100.000	13.311.000.000	9.289.363.562
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	40,77%	144.235.360.000	58.800.000.000	57.272.797.994
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	62,27%	427.323.110.000	266.074.070.000	268.343.698.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	58,50%	305.663.000.000	178.812.000.000	195.227.660.440
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	65,00%	103.000.000.000	66.950.000.000	65.703.263.029
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	49,00%	50.000.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	65,00%	347.716.110.000	226.015.400.000	193.378.247.507
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	51,00%	159.993.560.000	81.600.000.000	82.937.094.187
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	55,00%	200.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	46,15%	77.350.000.000	35.700.000.000	39.985.986.741
Cộng				<u>1.696.985.528.288</u>

Các đơn vị chưa niêm yết cổ phiếu

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ	Vốn góp theo cam kết	Vốn đã đầu tư	Vốn còn phải đầu tư
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	58,93%	982.000.000.000	578.692.300.000	578.692.300.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	51,00%	280.000.000.000	142.800.000.000	142.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	60,92%	285.620.000.000	173.994.000.000	173.994.000.000	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	51,00%	50.000.000.000	25.500.000.000	12.750.000.000	12.750.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	55,00%	1.200.000.000.000	660.000.000.000	557.250.449.375	102.749.550.625
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	36,59%	3.000.000.000.000	1.097.658.050.909	1.097.658.050.909	
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	100,00%	230.000.000.000	230.000.000.000	161.307.047.149	68.692.952.851
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa	100,00%	69.405.575.947	69.405.575.947	69.405.575.947	
Cộng				<u>2.793.857.423.380</u>	<u>184.192.503.476</u>
Tổng cộng				<u>4.490.842.951.668</u>	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	4.470.000	44.700.000.000	4.470.000	44.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	6.000.000	90.000.000.000	6.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điện	3.192.900	31.929.000.000	3.192.900	31.929.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom			5.757.850	57.578.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	1.875.200	18.227.971.507	1.875.200	18.227.971.507
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin		1.782.968.647		1.782.968.647
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà (**)	751.700	7.517.000.000	751.700	7.517.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Đà - Jurong	1.815.000		1.815.000	18.150.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie (*)	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Đô thị Xi măng Hải Phòng (*)			2.400.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	36.300.750	333.904.845.544	36.300.750	333.904.845.544
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Đà (**)	2.937.600	28.437.376.438	2.937.600	28.437.376.438
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.103.000	28.212.000.000		
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.724.800	27.248.000.000		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (***)	19.900.000	199.000.000.000	19.900.000	199.000.000.000
Cộng		910.959.162.136		955.227.662.136

(*) Trong đó đầu tư từ vốn nhận ủy thác

Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie
 Công ty Cổ phần Vincem Đô thị Xi măng Hải Phòng
Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
9.400.000.000	9.400.000.000
	24.000.000.000
9.400.000.000	33.400.000.000

(**) Các Công ty đã có Công văn của Bộ xây dựng chấp thuận chủ trương thoái vốn.

(***) Trong đó đầu tư từ Quỹ Sông Đà

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà

Số cuối năm	Số đầu năm
9.000.000.000	9.000.000.000

16. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu, góp vốn cổ phần
 Đầu tư vào đơn vị khác
 Cho vay dài hạn
Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
232.262.500.000	266.314.950.000
103.120.000.000	150.380.000.000
100.000.000	100.000.000
335.482.500.000	416.794.950.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16.1. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh			-	1.396.850	19.547.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Trung (*)	3.281.440	32.814.400.000	2.050.900	20.509.000.000	
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (*)			-	2.560.000	25.600.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	29.000	250.000.000	29.000	250.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà			-	105.000	1.110.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 2.07 (**)	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex (*)	3.352.550	33.525.500.000	3.362.550	33.625.500.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (*)	1.302.000	13.020.000.000	1.302.000	13.020.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	153.600	1.536.000.000	153.600	1.536.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực	588.000	5.880.000.000	588.000	5.880.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	53.820	538.200.000	53.820	538.200.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (*)	3.354.120	33.541.200.000	3.354.120	33.541.200.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	457.320	4.573.200.000	457.320	4.573.200.000	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dịch vụ Sông Đà	115.000	1.000.000.000	115.000	1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	2.572.400	25.724.000.000	2.572.400	25.724.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	5.806.000	58.060.000.000	5.806.000	58.060.000.000	
Cộng		232.262.500.000		266.314.950.000	

(*) Trong đó đầu tư từ vốn nhận ủy thác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Trung (*)	542.400.000	362.400.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (*)		9.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex (*)	755.500.000	855.500.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (*)	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	9.550.000.000	9.550.000.000
Cộng	12.147.900.000	21.567.900.000

(**) Các Công ty đã có Công văn của Bộ xây dựng chấp thuận chủ trương thoái vốn.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16.2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư Việt Nam (*)	102.240.000.000	144.000.000.000
Quỹ thành viên Vietcombank 3	-	5.500.000.000
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	110.000.000
Quỹ Hỗ trợ Đầu tư Quốc Gia	770.000.000	770.000.000
Cộng	103.120.000.000	150.380.000.000

(*) Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên Quỹ đầu tư Việt Nam số 01/2014/VIF/NQĐH ngày 08 tháng 4 năm 2014 thì Công ty liên doanh quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam sẽ chủ động thực hiện các khoản phân phối quỹ cho các nhà đầu tư theo tiến độ thoái vốn trên cơ sở hàng quý.

16.3. Cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(15.617.733.147)	(210.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	(106.564.975.429)	(15.407.733.147)
Trích lập dự phòng bổ sung	1.419.686.498	
Số cuối năm	(120.763.022.078)	(15.617.733.147)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm do giải thể BĐH Pleikrong	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ văn phòng	772.840.156	587.362.971	722.149.736		638.053.391
Chi phí Sửa chữa tài sản		110.107.000	67.803.500		42.303.500
Chi phí quản lý ban điều hành	32.363.629.783	10.624.741.137	28.270.295.477	4.093.334.306	10.624.741.137
Phí quản lý phát hành trái phiếu	8.278.735.631		6.293.103.449		1.985.632.182
Hợp đồng tư vấn McKinsey	43.545.891.877	3.199.993.205	2.897.523.439		43.848.361.643
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.761.580.311	738.618.868	1.483.377.373		1.016.821.806
Cộng	86.722.677.758	15.260.823.181	39.734.252.974	4.093.334.306	58.155.913.659

19. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.467.345.603.916	1.498.484.119.967

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i>	341.697.786.967	220.744.424.117
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		174.365.660.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội		153.852.050.011
Ngân hàng TMCP Đại chúng - Hội sở chính	6.165.424.764	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	13.677.863.230	90.902.192.542
Các cá nhân	254.562.399	254.562.399
Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi		4.873.464.055
Bộ Tài chính (ứng vốn từ quỹ trả nợ nước ngoài)		73.631.326.954
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	13.423.300.831	12.142.839.134
Vay dài hạn đến hạn trả	179.665.400.298	12.000.000.000
Cộng	<u>1.660.688.867.444</u>	<u>1.601.386.312.509</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay các tổ chức và cá nhân khác</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.498.484.119.967	90.902.192.542	12.000.000.000	1.601.386.312.509
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.954.105.130.896			1.954.105.130.896
Kết chuyển số đến hạn trả trong 12 tháng			179.665.400.298	179.665.400.298
Lãi vay nhập gốc		1.568.999.660		1.568.999.660
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.985.243.646.947)	(78.793.328.972)	(12.000.000.000)	(2.076.036.975.919)
Số cuối năm	<u>1.467.345.603.916</u>	<u>13.677.863.230</u>	<u>179.665.400.298</u>	<u>1.660.688.867.444</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.114.358.975	32.418.627.942	37.316.714.644	(900.000)	5.215.372.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	828.964.403		828.964.403		
Thuế thu nhập cá nhân	942.826.439	720.304.824	1.078.226.198	(1.988.364)	582.916.701
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.887.953.452	4.072.737.464	5.960.690.916		
Các loại thuế khác	121.385.634	877.912.743	876.912.743		122.385.634
Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	40.536.317	247.569.197	247.569.197	(32.041.816)	8.494.501
Cộng	<u>13.936.025.220</u>	<u>38.337.152.170</u>	<u>46.309.078.101</u>	<u>(34.930.180)</u>	<u>5.929.169.109</u>

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.940.186.474	13.947.215.484
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(11.017.365)	(874.950.420)
Cộng	<u>5.929.169.109</u>	<u>13.072.265.064</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(*) Giám do Trường Cao đẳng nghề Sông Đà chuyển về Bộ Xây dựng và bù trừ số phải thu Ngân sách nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty Sông Đà nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hoạt động xây lắp, bán điện	10%
Hoạt động dịch vụ	10%
Hoạt động cho thuê văn phòng	10%
Hoạt động cho thuê xe ô tô	5%
Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty Sông Đà có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.059.814.523	77.402.649.785
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(520.272.968.962)	(158.383.805.469)
Các khoản điều chỉnh tăng	5.073.707.002	104.209.207.173
Các khoản chi mang tính phúc lợi loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế		26.190.476
Lãi tiền vay vốn để góp vốn điều lệ	4.859.332.309	6.176.408.511
Lỗi chênh lệch tỷ giá của khoản vay góp vốn điều lệ		14.913.118.881
Thù lao hội đồng quản trị không chuyên trách	119.205.269	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu	95.169.424	236.276.182
Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền năm trước		82.857.213.123
Các khoản điều chỉnh giảm	(265.210.191.483)	(262.593.012.642)
Lãi chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền	(4.513.699.032)	(3.772.506.478)
Lãi chênh lệch tỷ giá của khoản vay góp vốn điều lệ	(32.922.940.209)	
Hoàn nhập lỗi chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền năm trước	(236.276.182)	
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(227.537.276.060)	(258.820.506.164)
Thu nhập chịu thuế	(420.213.154.439)	(80.981.155.684)
Thu nhập tính thuế	(420.213.154.439)	(4.156.476.029)
Thu nhập từ hoạt động đào tạo		23.308.029
Thu nhập từ hoạt động khác	(420.213.154.439)	4.133.168.000
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		10%
Thuế suất hoạt động đào tạo		20%
Thuế suất hoạt động khác	22%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động đào tạo		2.330.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác		826.633.600
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		828.964.403

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Chi tiết số lỗ còn được chuyển*

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
Năm 2010	(152.951.278.950)		(152.951.278.950)
Năm 2011	(597.052.086)		(597.052.086)
Năm 2012	(177.813.968.964)		(177.813.968.964)
Năm 2013	(85.137.631.713)		(85.137.631.713)
Năm 2014	(420.213.154.439)		(420.213.154.439)
Tổng cộng	(836.713.086.152)		(836.713.086.152)

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	224.529.094.997	184.417.066.320
Lãi trái phiếu phải trả	119.894.347.223	137.800.520.832
Chi phí công trình xây dựng	254.943.794.707	185.731.900.586
Chi phí phải trả khác	126.399.852	284.183.323
Cộng	599.493.636.779	508.233.671.061

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	731.734.024	1.055.182.701
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	836.489.225	673.701.775
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	392.915.500	936.145.900
Phải trả phải nộp khác	115.066.206.313	288.725.929.682
Cộng	117.027.345.062	291.390.960.058

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	Số cuối năm
Số đầu năm	16.369.114.550	7.156.939.472	1.500.000.000	25.026.054.022
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	16.420.168.439	4.105.042.110	688.515.411	21.213.725.960
Tăng do nhận lợi nhuận từ Công ty con	1.093.953.811			1.093.953.811
Chi quỹ trong năm	(23.089.970.000)	(3.212.830.000)		(26.302.800.000)
Giảm khác	(10.324.369)	26.191.181		15.866.812
Cộng	10.782.942.431	8.075.342.763	2.188.515.411	21.046.800.605

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn các Ngân hàng để cho vay lại các đơn vị	3.668.837.689.118	4.083.994.285.652
Ngân hàng Natixis ⁽ⁱ⁾	1.525.378.652.468	2.057.812.340.957
Ngân hàng NIB ⁽ⁱ⁾	361.280.965.054	406.155.124.826
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾		11.800.000.000
Ngân hàng phát triển Châu Á ⁽ⁱⁱⁱ⁾	803.413.647.286	792.262.653.050
Bộ Tài chính ^(iv)		144.139.454.040
Bộ Tài chính ^(v)	978.764.424.310	671.824.712.779
Phải trả người ủy thác đầu tư	83.715.900.000	117.825.900.000
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	31.401.448.184	21.517.501.540
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.594.529.135	2.176.571.502
Cộng	3.786.549.566.437	4.225.514.258.694

(i) Hai khoản vay này cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại để đầu tư vào dự án Xi măng Hạ Long.

(ii) Khoản vay này cho Công ty TNHH Một thành viên Hạ Tầng Sông Đà vay lại để đầu tư vào dự án BOT hầm đường bộ qua Đèo Ngang.

(iii) Khoản vay này cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Đơn và Công ty Cổ phần Sông Đà 4 vay lại.

(iv) Khoản vay này cho Tổng công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên vay lại để thanh toán nợ cho Ngân hàng ANZ – vay vốn đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Đồng Bành

(v) Khoản vay này cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại để thanh toán nợ đến hạn cho Natixis.

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.826.662.589.446	1.839.818.325.807
Ngân hàng NIB ⁽ⁱ⁾	171.510.663.830	297.984.875.008
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.565.632.075.673	1.356.313.598.856
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình ⁽ⁱⁱ⁾	8.680.201.526	80.680.203.526
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định ⁽ⁱⁱⁱ⁾	80.839.648.417	104.839.648.417
Nợ dài hạn	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Trái phiếu kỳ hạn 5 năm (2010-2015) – Lãi suất thay đổi	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cộng	3.326.662.589.446	3.339.818.325.807

(i) Khoản vay Ngân hàng NIB để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình để thanh toán các chi phí hoàn thiện Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà HH4, hạn mức tín dụng tối đa là 150 tỷ VND, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (15 tháng 3 năm 2010), lãi suất trong hạn là 14%/năm, được điều chỉnh theo lãi suất thả nổi (được tính dựa trên lãi suất tham chiếu và lãi suất biên 3,5%). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư của dự án (Công trình tòa nhà Hỗn hợp HH4) và một số quyền đi cùng công trình (Quyền khai thác; Kinh doanh và các lợi ích gắn liền phát sinh trong tương lai của Dự án; Quyền đòi nợ, quyền thụ hưởng các hợp đồng Bảo hiểm).

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 00008/TDIT-DH/TCĐK-CNND giữa Tập đoàn Sông Đà và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định cho Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, hạn mức tín dụng tối đa là 462 tỷ VND, thời hạn vay 120

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (12 tháng 3 năm 2008), lãi suất năm 2008 là 0,98%/tháng, các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động 12 tháng loại trả sau của PVFC cộng 0,2%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư của dự án.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Ngân hàng NIB	265.061.934.799	93.551.270.969	124.735.028.549	46.775.635.281
Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.591.746.205.002	26.114.129.329	145.272.425.206	1.420.359.650.467
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	44.680.201.526	36.000.000.000	8.680.201.526	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	104.839.648.417	24.000.000.000	80.839.648.417	
Trái phiếu chuyên đổi	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000		
Cộng	3.506.327.989.744	1.679.665.400.298	359.527.303.698	1.467.135.285.748

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.839.818.325.807	213.778.746.500	(11.269.080.563)	36.000.002.000	179.665.400.298	1.826.662.589.446
Ngân hàng NIB	297.984.875.008		(32.922.940.209)		93.551.270.969	171.510.663.830
Ngân hàng Phát triển Châu á	1.356.313.598.856	213.778.746.500	21.653.859.646		26.114.129.329	1.565.632.075.673
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	80.680.203.526			36.000.002.000	36.000.000.000	8.680.201.526
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	104.839.648.417				24.000.000.000	80.839.648.417
Nợ dài hạn	1.500.000.000.000					1.500.000.000.000
Trái phiếu kỳ hạn 5 năm (2010-2015) - Lãi suất thay đổi	1.500.000.000.000					1.500.000.000.000
Cộng	3.339.818.325.807	213.778.746.500	(11.269.080.563)	36.000.002.000	179.665.400.298	3.326.662.589.446

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Năm 2013							
Số đầu năm trước	2.494.687.295.100	310.551.946.130	60.447.050.250	183.550.186.570	5.750.601.944	76.161.868.993	3.131.148.948.987
Bổ sung từ lợi nhuận giữ lại	69.079.848.142			(69.079.848.142)			76.573.685.382
Lợi nhuận trong năm trước	2.365.789.885	846.368.399	576.335.321				3.788.493.605
Thu từ lợi nhuận sau thuế ở Công ty con		49.982.352.902	16.564.214.831	(96.587.534.602)			(30.040.966.869)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế							
Khấu hao tài sản cố định từ nguồn kinh doanh	1.202.646.733						1.202.646.733
Mua sắm tài sản cố định trong năm	(674.290.000)	(83.675.926)					(757.965.926)
Số dư cuối năm trước	2.566.661.289.860	361.296.991.505	77.587.600.402	94.456.489.208	5.750.601.944	76.161.868.993	3.181.914.841.912
Năm 2014							
Số dư đầu năm nay	2.566.661.289.860	361.296.991.505	77.587.600.402	94.456.489.208	5.750.601.944	76.161.868.993	3.181.914.841.912
Nhận vốn bản giao từ đơn vị trực thuộc	99.678.592						99.678.592
Lợi nhuận trong năm				100.059.814.523			100.059.814.523
Thu từ lợi nhuận sau thuế ở Công ty con		39.856.655.953		8.935.532.233			8.935.532.233
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế		77.587.600.402	(77.587.600.402)	(61.070.381.913)			(21.213.725.960)
Điều chuyển quỹ				(30.743.827.359)			(30.743.827.359)
Nộp Ngân sách nhà nước		(159.604.005)		(3.327.511.626)			(6.753.648.931)
Trả lại vốn Cao đẳng nghề	(3.266.533.300)			(47.119.378.000)			(47.119.378.000)
Giảm khác				61.190.737.066			61.190.737.066
Số dư cuối năm nay	2.563.494.435.152	478.581.643.855		61.190.737.066	5.750.601.944	76.161.868.993	3.185.179.287.010

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	7.085.110.317.635	6.671.827.418.371
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.069.189.332.479	6.154.035.311.598
Doanh thu bán điện	337.269.079.887	308.737.222.545
Doanh thu cho thuê Văn phòng	21.406.744.447	22.775.187.388
Doanh thu dịch vụ ủy thác đầu tư	1.343.909.091	318.272.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	222.784.824.816	173.362.647.272
Doanh thu hoạt động khác	433.116.426.915	12.598.776.841
Giảm trừ doanh thu	(48.794.995.326)	(15.488.036.934)
Giảm giá hàng bán	(48.794.995.326)	
Doanh thu thuần	7.036.315.322.309	6.656.339.381.437

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây lắp	5.946.936.657.619	6.019.064.998.342
Giá vốn kinh doanh điện	337.269.079.887	308.737.222.545
Giá vốn cho thuê văn phòng	18.121.194.336	18.121.194.330
Giá vốn dịch vụ khác	30.645.623.427	18.198.051.283
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	433.116.426.915	10.501.484.702
Cộng	6.766.088.982.184	6.374.622.951.202

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.759.476.559	6.213.090.462
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.015.000	197.110.921
Lãi cho vay	209.995.086.848	220.796.522.531
Cổ tức, lợi nhuận được chia	227.537.276.060	258.820.506.164
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.612.421.505	2.566.738.989
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.963.289.045	-
Phí bảo lãnh	5.977.158.182	7.331.583.187
Cộng	482.907.723.199	495.925.552.254

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	207.562.632.697	251.071.559.120
Chi phí lãi trái phiếu	185.824.429.840	260.710.811.779
Phí cho vay lại của Bộ Tài chính		5.824.118.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	122.904.616	268.734.004
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		23.661.794.331
Phí lưu ký chứng khoán	632.862.845	195.243.391

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán cổ phiếu	183.444.546	166.328.000
Phí đóng quỹ thành viên Vietcombank	937.847	500.000.000
Phí bảo lãnh	1.506.449.007	9.451.928.037
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	105.145.288.931	15.407.733.147
Lỗ thanh lý công ty liên kết	7.973.092.770	
Chi phí tài chính khác	95.720.245	521.737.551
Cộng	<u>509.047.763.344</u>	<u>567.779.987.817</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	67.867.491.735	71.436.004.341
Chi phí vật liệu quản lý	2.968.679.129	2.337.707.398
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.112.011.159	3.081.587.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.711.627.145	9.714.446.479
Thuế, phí và lệ phí	10.794.748.180	11.658.054.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.985.688.927	17.483.462.304
Chi phí bằng tiền khác	23.140.125.998	24.377.473.773
Cộng	<u>129.580.372.273</u>	<u>140.088.736.147</u>
Chi phí Ban điều hành các năm trước chưa kết chuyển	25.842.254.566	60.587.394.944
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	(143.019.021.619)	(160.919.938.711)
Hoàn nhập chi phí trích trước	(1.778.864.083)	(7.392.562.597)
Chi phí ban điều hành chờ kết chuyển vào kết quả kinh doanh các năm sau	<u>10.624.741.137</u>	<u>32.363.629.783</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	282.545.455	759.249.091
Thu tiền nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ		24.090.910
Hoàn nhập trích trước chi phí công trình	454.545	24.813.208.488
Xử lý công nợ theo biên bản kiểm kê	1.705.811.881	
Thu đền bù giá trị tài sản trên đất		465.845.455
Phí chuyển tiền chi hộ các đơn vị	544.862.049	592.911.654
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.545.455.360	
Phí y tế và bảo vệ công trình	5.414.164.431	4.078.928.511
Thu tiền bán cây trồng		4.525.000.000
Thu nhập khác	1.680.824.016	88.963.169
Cộng	<u>12.174.117.737</u>	<u>35.348.197.278</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		264.542.594
Chi phí vận chuyển thiết bị công trình Sê San 3		996.010.227
Chi phí trông coi nghĩa trang, bệnh viện và đài tưởng niệm Sông Đà		436.263.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán cây trồng		391.832.000
Chi phí quản lý BĐH Sê San 4	2.428.040.911	
Xử lý công nợ theo biên bản kiểm kê	3.274.672.621	
Chi phí lán trại công trình Xi măng Hạ Long	1.145.317.795	
Thuế bị phạt, bị truy thu	376.719.997	29.089.045
Phí y tế và bảo vệ công trình	5.401.536.862	4.078.928.512
Phí chuyển tiền	425.960.877	592.911.654
Chi phí khác	129.332.512	98.026.422
Cộng	13.181.581.575	6.887.603.454

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tăng vốn phân phối lợi nhuận ở Công ty con – Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	8.935.532.233	2.365.789.885
Bổ sung vốn từ lợi nhuận giữ lại		69.079.848.142
Lãi vay nhập gốc	1.568.999.660	1.933.214.416
Tăng nguồn vốn tương ứng với số khấu hao trích trong năm của Trường Cao đẳng nghề Sông Đà		1.202.646.733
Tăng gốc cho vay từ lãi vay nhập gốc	10.507.962.902	
Thu vay ngắn hạn bằng gán trừ công nợ	40.363.936.152	13.168.901.991
Nhận lại vốn từ đơn vị trực thuộc	99.678.592	
Chuyển chủ thể vay Dự án Nhà máy xi măng Đồng Bành sang Tổng Công ty Cơ khí xây dựng	219.528.788.529	
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung	5.858.589.100	
Cổ phiếu thưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung	6.266.810.900	
Cổ phiếu thưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 5	9.528.800.000	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Số vốn còn phải đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết theo cam kết tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm:

Tên công ty con (Thuyết minh số V.14)	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	102.749.550.625	102.749.550.625
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào		2.649.441.949.091
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	68.692.952.851	68.692.952.851
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội		88.000.000.000
Cộng	184.192.503.476	2.921.634.452.567

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tổng công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi các phòng, ban liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng công ty.

Tổng công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Tổng công ty liên quan đến nhiều đơn vị khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là không cao. Ngoài ra, nhân viên kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Tổng công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tổng công ty chủ yếu là cho các công ty con vay tiền nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là không cao.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	763.003.239.779		763.003.239.779
Phải thu khách hàng	2.626.712.946.556	1.640.476.581	2.628.353.423.137
Các khoản cho vay	1.132.988.031.716	200.000.000	1.133.188.031.716
Các khoản phải thu khác	4.887.831.798.651	281.877.337	4.888.113.675.988
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	275.822.500.000	59.560.000.000	335.382.500.000
Cộng	9.686.358.516.702	61.682.353.918	9.749.681.347.201
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	940.040.297.785		940.040.297.785
Phải thu khách hàng	2.532.412.840.364	2.098.873.730	2.534.511.714.094
Các khoản cho vay	1.236.475.331.920	200.000.000	1.236.675.331.920
Các khoản phải thu khác	5.111.490.954.690		5.111.490.954.690
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	415.084.950.000	1.610.000.000	416.694.950.000
Cộng	10.235.504.374.759	3.908.873.730	10.239.413.248.489

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	3.160.688.867.444	359.527.303.698	1.467.135.285.748	4.987.351.456.890
Phải trả người bán	2.238.647.925.394	917.561.263.734		3.156.209.189.128
Các khoản phải trả khác	716.439.880.099	2.919.317.438.259	783.516.228.178	4.419.273.546.536
Cộng	6.115.776.672.937	4.196.406.005.691	2.250.651.513.926	12.562.834.192.554

Số đầu năm

Vay và nợ	1.671.500.400.645	1.929.041.697.360	1.340.662.540.311	4.941.204.638.316
Phải trả người bán	2.362.398.815.816	688.392.350.838		3.050.791.166.654
Các khoản phải trả khác	1.419.714.744.057	2.465.292.576.276	1.020.576.785.004	4.905.584.105.337
Cộng	5.453.613.960.518	5.082.726.624.474	2.361.239.325.315	12.897.579.910.307

Ban Tổng giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Tổng công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng công ty có hoạt động xây lắp ở nước ngoài và các khoản vay bằng ngoại tệ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tổng công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.819,78	278,96	5.567.342,84	25.346,52
Phải thu khách hàng	21.373.174,93		19.580.013,58	
Các khoản cho vay			3.493.633,33	
Các khoản phải thu khác	111.103.469,98	37.590.999,99	44.430.078,16	108.153.141,29
Vay và nợ	(112.067.369,39)	(121.380.936,87)	(67.847.524,41)	(10.277.466,89)
Phải trả người bán			(12.061,47)	-
Các khoản phải trả khác	(111.103.469,98)	(37.590.999,99)	(44.430.078,16)	(108.153.141,29)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(90.639.374,68)	(121.380.657,91)	(39.218.596,13)	(10.252.120,37)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng công ty sẽ giảm/tăng 38.743.800.707 VND (năm trước giảm/tăng 16.531.312.829 VND) do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng công ty sẽ giảm/tăng 62.609.575.642 VND (năm trước giảm/tăng 5.944.999.560 VND) do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	USD	EURO	VND	USD	EURO
Các khoản cho vay				1.163.044.004.966	3.493.633,33	
Vay và nợ	(3.130.543.317.089)	(112.067.369,39)	(121.380.936,87)	(3.213.274.837.498)	(67.847.524,41)	(10.277.466,89)
Nợ phải trả thuần	(3.130.543.317.089)	(112.067.369,39)	(121.380.936,87)	(2.050.230.832.532)	(64.353.891,08)	(10.277.466,89)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng công ty sẽ giảm/tăng 62.610.866.342 VND (năm trước giảm/tăng 41.004.616.651 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi để đáp ứng cho nhu cầu thanh toán và cho vay lại.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tổng công ty sẽ giảm/tăng 23.951.598.523 VND (năm trước giảm/tăng 13.563.135.988 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi để đáp ứng cho nhu cầu thanh toán và cho vay lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay EURO có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tổng công ty sẽ giảm/tăng 31.304.859.766 VND (năm trước giảm/tăng 2.979.848.750 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do tỷ giá cuối năm tăng lên.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng công ty không đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu.

Tài sản đảm bảo

Tổng công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	763.003.239.779		940.040.297.785		763.003.239.779	940.040.297.785
Phải thu khách hàng	2.629.993.899.718	(1.640.476.581)	2.534.511.714.094	(2.098.873.730)	2.628.353.423.137	2.532.412.840.364
Các khoản cho vay	1.133.188.031.716	(200.000.000)	1.236.675.331.920	(200.000.000)	1.132.988.031.716	1.236.475.331.920
Các khoản phải thu khác	4.888.113.675.988	(281.877.337)	5.111.490.954.690		4.887.831.798.651	5.111.490.954.690
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	335.382.500.000	(24.031.677.890)	416.694.950.000	(1.234.362.432)	311.350.822.110	415.460.587.568
Cộng	9.749.681.347.201	(26.154.031.808)	10.239.413.248.489	(3.533.236.162)	9.723.527.315.393	10.235.880.012.327

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	4.987.351.456.890	4.941.204.638.316	4.987.351.456.890	4.941.204.638.316
Phải trả người bán	3.156.209.189.128	3.050.791.166.654	3.156.209.189.128	3.050.791.166.654
Các khoản phải trả khác	4.419.273.546.536	4.905.584.105.337	4.419.273.546.536	4.905.584.105.337
Cộng	12.562.834.192.554	12.897.579.910.307	12.562.834.192.554	12.897.579.910.307

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tổng công ty ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tuyết Trinh

Hồ Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo Nguồn vốn vay thực hiện Dự án 1 - Chương trình Cải cách doanh nghiệp và hỗ trợ quản trị Công ty

Nguồn vốn vay	Lấy kể đến ngày 1/1/2014		Số tiền vay trong năm 2014		Lấy kể đến ngày 31/12/2014	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND
I. Nguồn vốn OCR	99.590.999,99	2.098.965.973.049	10.122.478,32	213.778.746.500	109.590.999,99	2.342.233.647.286
<i>1. Tài cấu trúc tài chính/ mua cổ phần sáng tạo/ lệ sở hữu tại các Công ty ngành kinh doanh chính)</i>	97.237.108,91	2.049.355.694.192	10.000.000,00	211.200.000.000	107.114.630,59	2.289.307.442.284
1.1. Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà	51.000.000,00	1.074.868.859.999			51.000.000,00	1.089.997.500.000
1.2. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	29.590.999,99	623.655.773.050			29.590.999,99	632.433.647.286
1.3. Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đưa	5.000.000,00	105.379.300.000			5.000.000,00	106.862.500.000
1.4. Công ty Cổ phần Sông Đà 4	3.000.000,00	63.227.580.000			3.000.000,00	64.117.500.000
2. Tài cấu trúc doanh nghiệp	11.000.000,00	231.834.460.000	10.000.000,00	211.200.000.000	21.000.000,00	448.822.500.000
Ngày 26/03/2014			9.999.983,00	211.199.640.960		
Ngày 31/3/2014			17,00	359.040		
II. Nguồn vốn ADF	2.353.891,08	49.610.278.857	122.478,32	2.578.746.500	2.476.369,40	52.926.205.002
Ngày 31/03/2014			4.500,00	95.062.500		
Ngày 23/05/2014			4.000,00	84.960.000		
Ngày 26/06/2014			4.000,00	85.440.000		
Ngày 30/09/2014			41.241,87	867.481.500		
Ngày 13/11/2014			68.736,45	1.445.802.500		
Tổng cộng	101.944.891,07	2.148.576.251.906	10.244.956,64	216.357.493.000	112.067.369,39	2.395.159.852.288

Ghi chú:

Tỷ giá quy đổi USD/VND

	31/12/2013	31/12/2014
	21.075,86	21.372,50